

Bản án số: 64/2026/HNGĐ-ST
Ngày 09/7/2026
“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đặng Anh Việt.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Nhàn và bà Lê Thị Cần.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Minh Chinh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Gia Lai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Gia Lai tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Nhuận - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 7 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Gia Lai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 191/2026/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 18/6/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị M, sinh năm 1989; địa chỉ: Số nhà 33 đường Lê Hồng P, thôn 3, xã Sa Thầy, tỉnh Quảng Ngãi.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Bùi Đình P, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn An Hòa, xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị M và anh Bùi Đình P có trải qua thời gian tìm hiểu sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Ia Drang, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai (cũ) vào ngày 15/4/2025, nay là xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

Sau khi kết hôn, chị M và anh P chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã về nhiều vấn đề trong cuộc sống hàng ngày, cuộc sống vợ chồng

không hòa thuận, không có hạnh phúc. Anh P sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ con dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân khoảng hơn bốn tháng nay, trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, hỏi han gì tới nhau. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không còn khả năng hòa giải, tình cảm vợ chồng không còn nên chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị M và anh P có 01 con chung tên: Bùi Minh Nhật, sinh ngày 25/7/2025. Hiện cháu Nhật đang sống cùng chị M.

Chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhật cho đến khi cháu Nhật thành niên và tự lập được. Chị M không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn, anh Bùi Đình P trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Đình P và chị Phạm Thị M có trải qua thời gian tìm hiểu sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Ia Drang, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai (cũ) vào ngày 15/4/2025, nay là xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh chị có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng nhưng cũng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hàng ngày, chưa đến mức phải ly hôn nên anh P không nhất trí ly hôn với chị M. Tuy nhiên, nếu chị M cương quyết ly hôn thì anh P đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Anh P và chị M có 01 con chung tên: Bùi Minh Nhật, sinh ngày 25/7/2025. Hiện cháu Nhật đang sống cùng chị M.

Anh P đề nghị Tòa án giao cháu Nhật cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nhật thành niên và tự lập được. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Gia Lai:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Phạm Thị M và anh Bùi Đình P là hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau thì chị M và anh P phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Xét thấy, quan hệ hôn nhân là sự gắn kết giữa vợ chồng, phải có sự đồng thuận, tự nguyện từ hai phía, phải có tình yêu thương, quan tâm, chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình nhưng chị M và anh P không còn ở bên nhau để yêu thương và chia sẻ những

vấn đề trong cuộc sống hôn nhân, chị M không còn tình cảm với anh P, không còn mong muốn chung sống cùng anh P nữa. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M.

Về con chung: Chị M và anh P có 01 con chung tên: Bùi Minh Nhật, sinh ngày 25/7/2025.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao cháu Bùi Minh Nhật cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nhật thành niên và tự lập được. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị M phải chịu toàn bộ án phí ly hôn của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Phạm Thị M khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con chung với anh Bùi Đình P có địa chỉ tại thôn An Hòa, xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai. Vì vậy đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Gia Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị M và anh Bùi Đình P đều có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị M và anh Bùi Đình P trải qua thời gian tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chư Prông, tỉnh Gia Lai. Vì vậy, hôn nhân giữa chị M và anh P là hợp pháp theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Quá trình chung sống với anh P, nhận thấy mâu thuẫn phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh P. Nhưng anh P cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không đến mức phải ly hôn nên anh P không nhất trí ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân là sự gắn kết giữa vợ và chồng, phải có sự đồng thuận, tự nguyện tình yêu thương từ cả hai phía, quan tâm, chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình nhưng chị M và anh P không ở bên nhau để yêu thương và chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống hôn nhân, chị M không còn yêu thương anh P, không còn mong muốn chung sống cùng anh P nữa. Như vậy, chị M và anh P đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không còn khả năng hòa giải, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Quá trình giải quyết vụ án, chị M trình bày: Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã kéo dài và vợ chồng anh chị đã sống ly thân một thời gian, vợ chồng không còn

tình cảm, không còn quan tâm gì đến nhau. Bên cạnh đó, anh P mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng anh P cũng trình bày không muốn gặp chị M để hòa giải, đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị, nếu chị M cương quyết xin ly hôn thì anh P đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị M theo quy định pháp luật. Điều đó chứng tỏ anh P không thực sự quan tâm tới quan hệ hôn nhân với chị M, không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Do đó, việc chị M yêu cầu ly hôn với anh P là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị M và anh Bùi Đình P có 01 con chung tên: Bùi Minh Nhật, sinh ngày 25/7/2025.

Chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Minh Nhật. Xét thấy, cháu Nhật còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của người mẹ, chị M có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, đảm bảo sự phát triển toàn diện của cháu Nhật, từ khi chị M và anh P sống ly thân đến nay, cháu Nhật sống cùng chị M, anh P cũng nhất trí giao cháu Nhật cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, cần giao cháu Nhật cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nhật thành niên và tự lập được là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung và anh P cũng có ý kiến không cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị M và anh Bùi Đình P đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự;
- Các Điều 9, 19, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị M được ly hôn với anh Bùi Đình P.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Minh Nhật, sinh ngày 25/7/2025 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi cháu Nhật chưa thành niên, hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Bùi Đình P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Về án phí: Buộc chị Phạm Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn để sung quỹ nhà nước, được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004353, ngày 04/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Chị M đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ Luật tố tụng Dân sự để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36, 71 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 8;
- Các đương sự;
- UBND xã Chư Prông;
- Phòng THADS Khu vực 8;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đặng Anh Việt